TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNG NINH** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2024/DS - ST
Ngày: 19 - 9 - 2024
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG NINH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Châu Mạnh Cường.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Ninh và ông Nguyễn Xuân Hiền.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phan Thị Mỹ Trang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:*** Ông Phan Bảo Cường, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2024, tại Phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 68/2024/TLST-TCDS ngày 24 tháng 7 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2024/QĐXXST-DS ngày 20/8/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (S1). Địa chỉ: 2 N, phường H, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D, Chức vụ: Tổng Giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Văn P - chức vụ: Giám đốc Ngân hàng S1 Chi nhánh B; Ủy quyền lại cho ông Trương Xuân T, chức vụ: Phó phòng kiểm soát rủi ro, Chi nhánh Q; Theo văn bản uỷ quyền số 32A/2024/UQ-CNBD ngày 05/8/2024, có mặt.

2. Bị đơn: Bà Dương Thị T1. Địa chỉ: Thôn T, xã D, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 20/6/2024, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (Sau đây gọi là S1) - Chi nhánh B, ông Trương Xuân T trình bày:

Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 02/08/2022 và giấy đề nghị ngày 24/11/2022 về đề nghị nâng hạn mức thẻ được ký giữa Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh B và bà Dương Thị T1, theo đó, ngày 02/08/2022 bà Dương Thị T1 được ngân hàng cấp hạn mức thẻ tín dụng với số tiền là 55.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm mươi lăm triệu đồng) với mục đích tiêu dùng. Khoản vay không có tài sản đảm bảo. Đến ngày 12/07/2023 do bà Dương Thị T1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán, theo nội dung đã thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng nêu trên, toàn bộ

khoản vay đều đã chuyển nợ quá hạn. Ngân Hàng TMCP S đã nhiều lần trao đổi, làm việc và tạo mọi điều kiện để bà Dương Thị T1 tìm nguồn tiền thanh toán vốn vay, các khoản lãi phát sinh tại Ngân hàng TMCP S. Nhưng đến thời điểm hiện nay, bà Dương Thị T1 vẫn không thực hiện thanh toán theo đúng các cam kết với Ngân hàng. Tạm tính đến thời điểm ngày 19 tháng 9 năm 2024 bà Dương Thị T1 còn nợ Ngân hàng TMCP S số vốn gốc, lãi quá hạn cụ thể như sau: 94.603.927 đồng, cụ thể: Tiền gốc 55.000.000 đồng; tiền lãi quá hạn 39.603.927.đồng.

Việc cố tình dây dưa, không thực hiện đúng như cam kết của bà Dương Thị T1 đã làm ảnh hưởng rất nghêm trọng đến quyền lợi chính đáng và hợp pháp của Ngân hàng, vì lẽ đó để bảo vệ quyền lợi của mình, Ngân hàng TMCP S kính đề nghị Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình tuyên xử: Buộc bà Dương Thị T1 phải có trách nhiệm thanh toán ngay cho S1 - Chi nhánh B toàn bộ số nợ còn tồn đọng tính đến ngày xét xử 19/9/2024 là 94.603.927 đồng, cụ thể: Tiền gốc 55.000.000 đồng; tiền lãi quá hạn 39.603.927 đồng.

Ngoài ra, bà Dương Thị T1 còn phải thanh toán cho S1 - Chi nhánh B tiền lãi quá hạn, lãi phạt được tính theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ.

Bị đơn bà Dương Thị T1 đã được Tòa án triệu tập nhiều lần, nhưng không có mặt để trình bày ý kiến về việc S1 - Chi nhánh B khởi kiện. Ngày 01 tháng 8 năm 2024, Toà án đã tiến hành xác minh lấy lời khai của ông Dương Viết T2 (bố bà T1), ông T2 cho biết bà T1 đi làm ăn trong miền N từ năm 2010 cho đến nay, thỉnh thoảng có gọi điện về cho gia đình nhưng không sống ở đây. Theo thông tin bà T1 cung cấp cho gia đình thì bà T1 hiện đang làm ăn sinh sống tại Bình Dương. Do đó, Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết theo đúng quy định của pháp luật.

Ngày 14/8/2024, Toà án nhận được đơn trình bày của bà Dương Thị T1 gửi qua đường bưu điện, bà T1 thừa nhận có vay tại Ngân hàng S1 – Chi nhánh B số tiền 55.000.000 đồng, nhưng do bản thân làm ăn gặp rủi ro và đau ốm, bệnh tật nên không có khả năng thanh toán số tiền trên cho Ngân hàng, và không thể đến Toà án theo giấy triệu tập. Ngày 28/8/2024, bà T1 có làm đơn đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt do không sắp xếp được thời gian để về và đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh phát biểu quan điểm*:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp về hợp đồng tín dụng, do một bên vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên phát sinh tranh chấp, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh theo quy định tại Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đầy đủ nhiệm vụ và quyền hạn quy định tại các điều 51, 208, 209, 210 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về người tham gia tố tụng: Tòa án xác định đúng người tham gia tố tụng. Việc thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, việc cấp tống đạt các giấy tờ cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng quy định. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn chưa chấp hành các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 71 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng quy định tại các Điều từ 213 đến điều 233 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 49, 50, 51, 52, 53, 54, 56, 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà Dương Thị T1 phải thanh toán cho S1 – Chi nhánh B1 đến ngày xét xử sơ thẩm số tiền là 94.603.927 đồng, cụ thể: Tiền gốc 55.000.000 đồng; tiền lãi quá hạn 39.603.927 đồng và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng đã ký cho đến ngày bà T1 trả nợ xong cho S1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả hỏi, tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng thương mại cổ phần S (S1) – Chi nhánh B khởi kiện bị đơn bà Dương Thị T1 yêu cầu thanh toán tiền vay do vi phạm nghĩa vụ trả nợ, bị đơn có nơi cư trú tại địa bàn huyện Q. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình. Bị đơn bà Dương Thị T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và bà T1 có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà T1.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét theo nội dung hợp đồng tín dụng vay tiền, yêu cầu trả nợ của S1: Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 02/08/2022 và giấy đề nghị ngày 24/11/2022 về đề nghị nâng hạn mức thẻ bà Dương Thị T1 để vay số tiền 55.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng, sinh hoạt cá nhân. Ngày 12/7/2023 là đến hạn trả nợ hàng tháng nhưng bà Dương Thị T1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán trả nợ tại S1 nên đã vi phạm Hợp đồng (Điều 26 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của S1). S1 đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà T1 và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày xét xử sơ thẩm, bà Dương Thị T1 còn nợ S1 – Chi nhánh B tổng số tiền 94.603.927 đồng, cụ thể: Tiền gốc 55.000.000 đồng, tiền lãi quá hạn 39.603.927 đồng.

Xét hợp đồng tín dụng giữa nguyên đơn với bị đơn được giao kết hợp pháp nên phát sinh hiệu lực, các bên có nghĩa vụ thực hiện đúng, đầy đủ các điều khoản đã cam kết. Nhưng vì bị đơn vi phạm nghĩa vụ của bên vay nên việc khởi kiện và yêu cầu bị đơn phải trả nợ cho nguyên đơn là có căn cứ theo quy định tại các điều 463, 466 của Bộ luật dân sự và theo thỏa thuận Điều 26 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn: Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng tín dụng ngày 02/8/2022 mà hai bên đã ký kết, nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận lãi suất tại thời điểm làm thẻ 31,2%/năm. Thỏa thuận lãi suất này vượt

quá quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; tuy nhiên theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật các tổ chức tín dụng thì: *"Trường hợp có quy định khác nhau giữa Luật này và các luật khác có liên quan về thành lập, tổ chức, hoạt động, kiểm soát đặc biệt, tổ chức lại, giải thể tổ chức tín dụng... thì áp dụng theo quy định của Luật này"* và theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng thì: "*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật".* Do vậy, đối với hợp đồng vay mà một bên là tổ chức tín dụng thì lãi suất của hợp đồng vay được thực hiện theo thỏa thuận. Hội đồng xét thấy rằng, từ ngày 12/7/2023 cho đến ngày khởi kiện bà T1 không trả cho S1 là vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ đến hạn tại hợp đồng đã ký kết giữa các bên, S1 chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà T1 và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn và tính lãi suất theo mức lãi suất nợ quá hạn là phù hợp với quy định Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng. Như vậy, yêu cầu của Nguyên đơn về tiền lãi là có căn cứ nên cần được xem xét chấp nhận, buộc bà T1 phải trả cho S1 - Chi nhánh B số tiền lãi quá hạn 39.603.927 đồng.

[3] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị định 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc bà T1 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 144, khoản 1 Điều 147, Điều 179, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 463, 466 của Bộ luật dân sự; các điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị Quyết 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S. Buộc bà Dương Thị T1 phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền 94.603.927 đồng (Chín mươi tư triệu sáu trăm linh ba nghìn chín trăm hai mươi bảy đồng), trong đó: Tiền gốc 55.000.000 đồng (Năm mươi lăm triệu đồng); tiền lãi 39.603.927 đồng (Ba mươi chín triệu sáu trăm linh ba nghìn chín trăm hai mươi bảy đồng) theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 02/08/2022 và giấy đề nghị ngày 24/11/2022 về đề nghị nâng hạn mức thẻ được ký giữa Ngân hàng thương mại cổ phần S - Chi nhánh B và bà Dương Thị T1.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm 19/9/2024 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ này. Trường hợp trong các hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì

lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay

2. Về án phí sơ thẩm: Buộc bà Dương Thị T1 phải nộp 4.730.196 đồng (Bốn triệu bảy trăm ba mươi nghìn một trăm chín mươi sáu đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng thương mại cổ phần S được nhận lại 2.145.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BLTU/23 số 0003909 ngày 24/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (19/9/2024); bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

4. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Quảng Ninh;
- Chi cục THADS huyện Quảng Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Châu Mạnh Cường